Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9022.19.10

Mã HS	9022.19.10
Mô tả hàng hóa	Thiết bị sử dụng tia X hoặc tia phóng xạ alpha, beta, gamma hoặc các bức xạ ion hóa khác, có hoặc không dùng cho mục đích y học, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y, kể cả thiết bị chụp hoặc thiết bị điều trị bằng các tia đó, ống phát tia X và thiết bị tạo tia X khác, thiết bị tạo tia cường độ cao, bảng và bàn điều khiển, màn hình, bàn, ghế và các loại tương tự, dùng để khám hoặc điều trị / - Thiết bị sử dụng tia X, có hoặc không dùng cho mục đích y học, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y, kể cả thiết bị chụp hoặc thiết bị điều trị bằng tia X: / - - Cho các mục đích khác: / - - - Thiết bị sử dụng tia X để kiểm tra vật lý các điểm hàn nối trên tấm mạch in/tấm dây in
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	10/11/2026 02:46:46
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90221910/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18131
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18131
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18131
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17449
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17378
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17378
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17378
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17378
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17378
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17378
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17434
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17434
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17434
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17434

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17434
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17434
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17435
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17435
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17435
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17435
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17435
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17435
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17440
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17396
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17392
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17392
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17392
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17392
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17392
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17392
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17438
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17438
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17438
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17438
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17438
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17438
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17500
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17500
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17500
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17500

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17500
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17500
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17476
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17476
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17476
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17476
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17476
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17476
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17471
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17471
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17471
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17471
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17471
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17471
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17501
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17501
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17501
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17501
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17501
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17501
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17500
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17500
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17500
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17500
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17500
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17500

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17594
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17594
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17594
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17594
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17594
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17594
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17594
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17463
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17463
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17463
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17463
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17463
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17463
RCEP B	2022	2022	0	B!D17463
RCEP B	2023	2023	0	B!E17463
RCEP B	2024	2024	0	B!F17463
RCEP B	2025	2025	0	B!G17463
RCEP B	2026	2026	0	B!H17463
RCEP B	2027	2027	0	B!I17463
RCEP C	2022	2022	0	C!D17461
RCEP C	2023	2023	0	C!E17461
RCEP C	2024	2024	0	C!F17461
RCEP C	2025	2025	0	C!G17461
RCEP C	2026	2026	0	C!H17461
RCEP C	2027	2027	0	C!I17461
RCEP D	2022	2022	0	D!D17460

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17460
RCEP D	2024	2024	0	D!F17460
RCEP D	2025	2025	0	D!G17460
RCEP D	2026	2026	0	D!H17460
RCEP D	2027	2027	0	D!I17460
RCEP E	2022	2022	0	E!D17464
RCEP E	2023	2023	0	E!E17464
RCEP E	2024	2024	0	E!F17464
RCEP E	2025	2025	0	E!G17464
RCEP E	2026	2026	0	E!H17464
RCEP E	2027	2027	0	E!I17464
RCEP F	2022	2022	0	F!D17463
RCEP F	2023	2023	0	F!E17463
RCEP F	2024	2024	0	F!F17463
RCEP F	2025	2025	0	F!G17463
RCEP F	2026	2026	0	F!H17463
RCEP F	2027	2027	0	F!I17463
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16373
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16373
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16373
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16373

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: TB y tế QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.III)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9022.19 có 2 dòng thuế; dòng 9022.19.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Thiết bị sử dụng tia X để kiểm tra vật lý các điểm hàn nối trên tấm mạch in/tấm dây in.	9022.19.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9022.19.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9022.19.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18131), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TB y tế QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.III)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.